

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/HN-ST
Ngày: 01 - 10 - 2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Ông Nguyễn Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: (Không tham gia)

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 774/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Phát A, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, ấp T1, xã T2, thành phố V, tỉnh Vinh Long

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thúy V, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, ấp T1, xã T2, thành phố V, tỉnh Vinh Long

Địa chỉ liên lạc: ấp B, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Phát A trình bày:

Ông A và bà Huỳnh Thị Thúy V đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015, quyền số 01/2015 vào ngày 08/01/2015, tại Ủy ban nhân dân xã T2, thành phố V. Mậu thuận vợ chồng phát sinh từ năm 2017 do bất đồng

ý kiến, thiếu sự quan tâm lẫn nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Ông A yêu cầu ly hôn bà V.

Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 22/9/2015; Lê Hoàng H, sinh ngày 04/8/2017. Ông A yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu bà V cấp dưỡng hai con chung theo mức cấp dưỡng pháp luật quy định. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Huỳnh Thị Thúy V: Tòa án tiến hành tổng đạt, nệm yết hợp lệ hai lần Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bà V. Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của bà V gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên hòa giải được do bà V vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung, cụ thể: ông A yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng A, bà V nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng H và người không trực tiếp nuôi con không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung còn lại. Các yêu cầu khởi kiện khác giữ nguyên.

Bị đơn trình bày vẫn còn tình cảm với ông A, không đồng ý ly hôn. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì bà V yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng H, đồng ý giao ông A yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng A. Người không trực tiếp nuôi con không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung còn lại. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông A là người có quyền khởi kiện bà V tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Mâu thuẫn vợ chồng ông A, bà V phát sinh do bất đồng ý kiến, thiếu sự quan tâm lẫn nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi, dẫn đến vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà V không đồng ý ly hôn với ông A. Ông A khẳng định đã hết tình cảm với bà V, yêu cầu ly hôn với bà V.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông A, bà V không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của ông A. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc ly hôn bà V.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm ông A, bà V thỏa thuận được với nhau, trường hợp vợ chồng ly hôn, ông A yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng A, bà V yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng H và người không trực tiếp nuôi con không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung còn lại.

Hội đồng xét xử công nhận nội dung thỏa thuận của ông A, bà V về con chung. Buộc bà V giao ông A nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng A và bà V không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cháu A. Buộc ông A giao bà V nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng H và ông A không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cháu H.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nợ chung: Không có. Án phí: Ông A nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phát A.

Ông Lê Phát A và bà Huỳnh Thị Thúy V ly hôn với nhau.

Con chung: Buộc bà Huỳnh Thị Thúy V giao ông Lê Phát A nuôi dưỡng một con chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 22/9/2015. Bà Huỳnh Thị Thúy V không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Lê Hoàng A.

Buộc ông Lê Phát A giao bà Huỳnh Thị Thúy V nuôi dưỡng một con chung tên Lê Hoàng H, sinh ngày 04/8/2017. Ông Lê Phát A không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Lê Hoàng H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Buộc ông Lê Phát A nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0004649 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên ông Lê Phát A không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- UBND xã T2, tpVL: 1;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

